

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ II – MÔN SINH 9

1. HIỆN TƯỢNG ƯU THẾ LAI VÀ THOÁI HÓA GIỐNG

- Khái niệm:

+ Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có năng suất, sức sống, sức chống chịu, khả năng sinh trưởng và phát triển so với bố mẹ.

+ Hiện tượng thoái hóa giống:

- Ví dụ:

Hiện tượng ưu thế lai

Hiện tượng thoái hóa giống

2. MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI

Các môi trường sống của sinh vật:

Môi trường

Môi trường

Môi trường

Môi trường

Nhân tố sinh thái:

Nhân tố sinh thái là

Các nhóm nhân tố sinh thái:

+ Nhân tố

+ Nhân tố

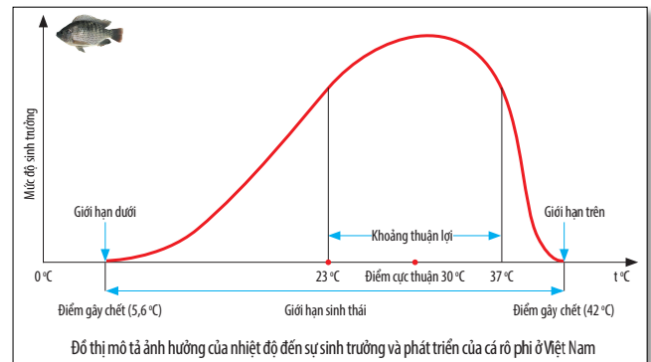
- Phân tích giới hạn sinh thái:

+ Giới hạn trên:

+ Giới hạn dưới:

+ Giới hạn sinh thái: (Giới hạn dưới – giới hạn trên)

+ Điểm cực thuận:



3. QUẦN THỂ, QUẦN XÃ VÀ HỆ SINH THÁI

- Phân biệt quần thể sinh vật, quần xã sinh vật:

Quần thể sinh vật:	Quần xã sinh vật:
+ cùng 1 loài	+ Có nhiều loài
+ Sống chung (không gian, thời gian)	+ Sống chung (không gian, thời gian)
+ Có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới	+ Có mối quan hệ gắn bó, mật thiết

- Phân biệt quần thể sinh vật và quần thể người:

	Quần thể sinh vật	Quần thể người
Điểm giống:		
Điểm khác:		

- Cân bằng sinh học:

- Khống chế sinh học:

- Hệ sinh thái:

+ Thành phần của hệ sinh thái hoàn chỉnh: ➤ Thành phần vô sinh ➤ Thành phần hữu sinh: ○ Sinh vật sản xuất ○ Sinh vật tiêu thụ ○ Sinh vật phân giải	+ Chuỗi thức ăn: + Lưới thức ăn:
---	---

- Các kiểu hệ sinh thái:

- + Hệ sinh thái dưới nước: nước mặn, nước ngọt, ...
- + Hệ sinh thái trên cạn

4. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

+ Ô nhiễm môi trường:

- **Khái niệm:** Ô nhiễm môi trường là môi trường bị _____, các tính chất vật lí, hóa học, sinh học bị _____ gây _____ đến đời sống con người và sinh vật.

- **Nguyên nhân:**
.....
.....
.....

- **Hậu quả:**
.....
.....
.....
.....
.....

- **Biện pháp khắc phục:**
.....
.....
.....
.....
.....

+ Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên:

Các dạng tài nguyên thiên nhiên	Biện pháp sử dụng hợp lý

5. BÀI TẬP

Bài 1: Điền vào chỗ trống:

- Khi cho F1 ở thực vật hoặc ở động vật thì sẽ xảy ra hiện tượng.....
- Hiện tượng ưu thế lai là hiện tượng có năng suất, sức sống, sức chống chịu, khả năng sinh trưởng và phát triển so với bố mẹ.
- Cho các kiểu gene sau: AaBBDD, AabbDD, aabbdd, aaBBdd. Để thu được biểu hiện ưu thế lai rõ nhất thì đem kiểu gene AAbbDD lai với kiểu gene.....
- Qua các thế hệ tự thụ phấn hoặc giao phối gần thì tỉ lệ ngày càng tăng.

Bài 2:

a. Xác định môi trường sống của sinh vật sau:

Sinh vật	Môi trường sống
A. Cá chép	
B. San hô	
C. Ấu trùng ve sầu	
D. Ve bò	

b. Lựa chọn cột B phù hợp với cột A:

Cột A	Cột B
1. Nhân tố vô sinh	a. Con mèo
2. Nhân tố con người	b. nuôi tôm
3. Nhân tố sinh vật khác	c. Tia cảnh
	d. Đá vôi

c. **Quan sát Sơ đồ giới hạn sinh thái, hãy xác định:**

a. Giới hạn sinh thái của loài thực vật?

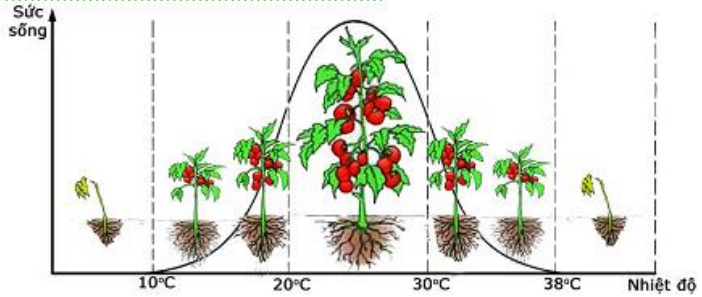
.....

b. Loài này có thể sinh trưởng tốt nhất khi nào?

.....

c. Ở 30°C thì loài thực vật này có khả năng sống không? Vì sao?

.....



Bài 3: **Hãy phân biệt các ví dụ thuộc quần thể và quần xã bằng cách đánh dấu “X” vào ô trống?**

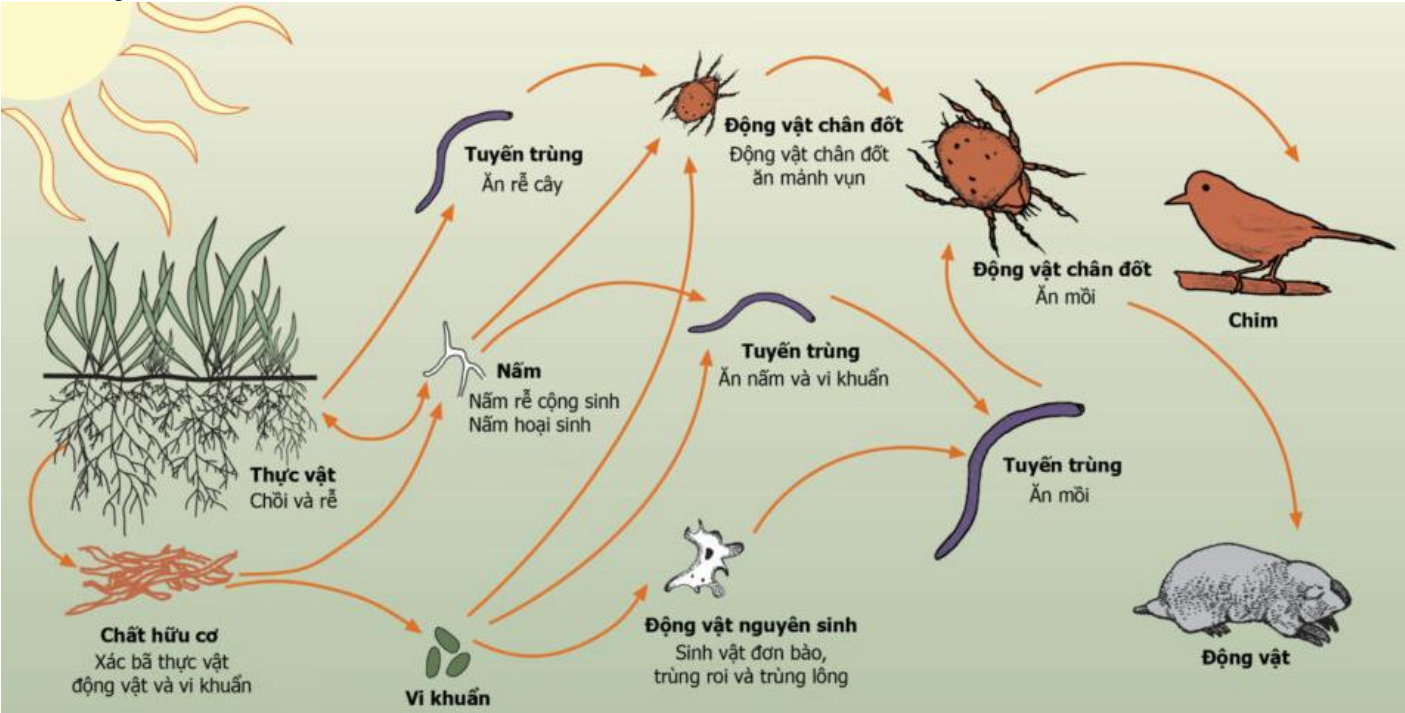
Ví dụ	Quần thể	Quần xã
A. Đàn chim cánh cụt sống ở Nam Cực		
B. Các con cá trong hồ		
C. Đàn linh dương đầu bò ở thảo nguyên		
D. Rừng mưa nhiệt đới		

Bài 4: **Hãy xác định tên của kiểu hệ sinh thái có trong mỗi hình dưới đây.**



1. _____
2. _____
3. _____
4. _____

Bài 5: Quan sát hình và trả lời các câu hỏi:



- a. Hệ sinh thái trong hình gồm những thành phần nào?
-
-
-
-
-
- b. Viết chuỗi thức ăn có 5 mắt xích và có sinh vật tiêu thụ là **động vật chân đốt**
-
-
-
- c. Loại bỏ quần thể nào trong lưới thức ăn gây ảnh hưởng nhiều nhất? Vì sao?
-
-
-
-
-

Bài 6: Hãy đề xuất các biện pháp khắc phục và bảo vệ môi trường sống:

Môi trường	Biện pháp khắc phục, bảo vệ
Môi trường nước	
Môi trường đất	
Môi trường không khí	

Chúc các em thi tốt!